

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2022

“V/v ly hôn,
tranh chấp quyền nuôi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cúc T, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1994 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp Y, xã Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2022 và lời trình bày của bà Trần Thị Cúc T trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Nguyễn H kết hôn vào ngày 08/5/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu sau khi cưới cuộc sống khá hạnh phúc. Đến thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H không lo cho gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình

cảm vợ chồng nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/02/2015, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nguyễn H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn H vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trần Thị Cúc T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn H vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung vụ án: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; về quan hệ hôn nhân bà T, ông H kết hôn và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, mâu thuẫn giữa bà T, ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T; về con chung bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, xét khi ly thân thì bà T vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên đề nghị Tòa án giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/02/2015 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung; về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; về án phí buộc bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Cúc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn H và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Cúc T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt còn bị đơn ông Nguyễn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cúc T và ông Nguyễn H tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 100, nên bà T và ông H đã xác lập quan hệ hôn nhân theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Qua đơn khởi kiện, lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án nhận thấy trong quá trình chung sống giữa bà T và ông H đã xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay bà T có đơn xin vắng mặt và giữ yêu cầu ly hôn với ông H còn ông H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải để hàn gắn gia đình nhưng ông H vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, ông H vắng mặt không có lý do .

Từ những căn cứ trên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Cúc T và ông Nguyễn H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị Cúc T và ông Nguyễn H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/02/2015 hiện tại đang sống chung với bà T. Xét thấy, sau khi bà T ông H ly thân, cháu T sống với bà T, bà vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung cho bà tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Trần Thị Cúc T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Cúc T khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cúc T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Cúc T được ly hôn với ông Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2015 cho bà Trần Thị Cúc T được tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Trần Thị Cúc T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Cúc T khai không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Cúc T khai không có nợ chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Cúc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Cúc T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0010100, ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên bà Trần Thị Cúc T không phải nộp tiếp.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích Lộc

